

Số : / PC3I-TC

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
QUÝ 2/2019 SO VỚI QUÝ 2/2018 (TRƯỚC SOÁT XÉT)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (MCK: PIC, sàn giao dịch: HNX) xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2/2019 so với Quý 2/2018 như sau:

1. Báo cáo tài chính tổng hợp

a. Báo cáo tài chính quý 2/2019

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2019 : -799.094.343 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2018 : 11.702.485.891 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2/2019 giảm so với quý 2/2018 là 12.501.580.234 đồng, tương ứng tỷ lệ - 6,83%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 2/2019 (1)	Quý 2/2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	18.587.495.272	27.963.717.131	(9.376.221.859)	66,47%
- Doanh thu bán điện	18.587.495.272	27.963.717.131	(9.376.221.859)	66,47%
2. Giá vốn hàng bán	12.322.197.154	9.799.895.956	2.522.301.198	125,74%
- Chi phí bán điện	12.322.197.154	9.799.895.956	2.522.301.198	125,74%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	6.265.298.118	18.163.821.175	(11.898.523.057)	34,49%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	149.200.300	183.686.890	(34.486.590)	81,23%
5. Chi phí tài chính	4.503.872.784	4.341.523.440	162.349.344	103,74%
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.449.066.805	1.862.291.586	586.775.219	131,51%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động K/doanh	(538.441.171)	12.143.693.039	(12.682.134.210)	-4,43%
9. Thu nhập khác	4.077.878.474	631.700	4.077.246.774	645.540,36%
10. Chi phí khác	4.077.878.474	0	4.077.878.474	
11. Lợi nhuận khác	0	631.700	(631.700)	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(538.441.171)	12.144.324.739	(12.682.765.910)	-4,43%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	260.653.172	441.838.848	(181.185.676)	58,99%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-799.094.343	11.702.485.891	(12.501.580.234)	-6,83%

b. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 2/2019:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2019 : 9.844.346.846 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2018 : 27.758.322.576 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2019 giảm so với bán niên năm 2018 là 17.913.975.730 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 64,54%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Lũy kế đến quý 2/2019 (1)	Lũy kế đến quý 2/2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	46.180.905.051	60.627.530.471	(14.446.625.420)	76,17%
- Doanh thu bán điện	46.180.905.051	60.627.530.471	(14.446.625.420)	76,17%
2. Giá vốn hàng bán	22.350.701.906	20.576.834.829	1.773.867.077	108,62%
- Doanh thu bán điện	22.350.701.906	20.576.834.829	1.773.867.077	108,62%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	23.830.203.145	40.050.695.642	(16.220.492.497)	59,50%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	288.168.189	320.030.978	(31.862.789)	90,04%
5. Chi phí tài chính	8.986.549.320	8.327.427.300	659.122.020	107,92%
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.389.185.448	2.992.203.223	1.396.982.225	146,69%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.742.636.566	29.051.096.097	(18.308.459.531)	36,98%
9. Thu nhập khác	4.077.878.474	4.178.700	4.073.699.774	97.587,25%
10. Chi phí khác	4.077.908.474	0	4.077.908.474	
11. Lợi nhuận khác	(30.000)	4.178.700	(4.208.700)	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.742.606.566	29.055.274.797	(18.312.668.231)	36,97%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	898.259.720	1.296.952.221	(398.692.501)	69,26%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.844.346.846	27.758.322.576	(17.913.975.730)	35,46%

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh bán niên năm 2019 giảm so với bán niên năm 2018 như sau:

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Hoạt động phát điện tại NMTĐ Đắk Pôn: Trong 6 tháng đầu năm 2019, lượng mưa tương đối phù hợp với dự tính của kế hoạch sản xuất nên sản lượng điện phát là 21.544.169 kWh, đạt 108,91% kế hoạch nửa đầu năm 2019. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm 2018, lượng nước để phát điện thấp hơn nhiều, nên sản lượng điện chỉ đạt 69,34% cùng kỳ năm trước. Nhờ tăng được giá bán điện bình quân nên doanh thu nửa đầu năm 2019 là 29,241 tỷ đồng, đạt 112,65% so với kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019:

STT	Nội dung	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kwh)
1	6 tháng đầu năm 2018	38.890.109.872	31.071.863
2	6 tháng đầu năm 2019	29.241.396.385	21.544.169
3	Chênh lệch (2-1)	-9.648.713.487	-9.527.694
4	Tỷ lệ phần trăm tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ 2018	-24,81%	-30,66%

+ Hoạt động phát điện tại NMTĐ Đa Krông 1: Thời tiết trong 6 tháng đầu năm 2019 tại khu vực Tỉnh Quảng Trị khô hạn kéo dài rất bất thường, lượng nước sông Đa Krông không đủ để vận hành hết công suất 1 tổ máy. Sản lượng điện phát trong quý

2/2019 là 628.579 kWh, chỉ đạt 22,65% sản lượng điện theo kế hoạch nửa đầu năm 2019, tương đương 42,08% so với cùng kỳ năm 2018. Tương tự, doanh thu trong quý 2/2019 chỉ đạt 52,74% so với kế hoạch. Trong nửa đầu năm 2019, doanh thu là 14,770 tỷ đồng, đạt 74,78% so với kế hoạch, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kwh)
1	6 tháng đầu năm 2018	21.737.160.598	10.024.732
2	6 tháng đầu năm 2019	14.770.068.166	7.013.809
3	Chênh lệch (2-1)	-6.967.092.432	-3.010.923
4	Tỷ lệ phần trăm tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ 2018	-32,05%	-30,03%

Ghi chú: Doanh thu trên của 02 nhà máy đã bao gồm phần thuế tài nguyên nước và DVMTR, chưa bao gồm phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Sản lượng điện phát cho cả 2 nhà máy 6 tháng đầu năm đều giảm so với cùng kỳ năm trước, bên cạnh đó, đây là năm thứ 2 đưa vào vận hành NMTĐ Đa Krông 1 nên nợ gốc vay tín dụng của NMTĐ Đa Krông 1 còn nhiều, dẫn đến lãi vay phải trả chiếm chi phí đáng kể. Bên cạnh đó, trong năm 2019 Công ty thay đổi phương pháp khấu hao (từ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng) cũng là nguyên nhân tăng chi phí, dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD bán niên 2019 giảm 63,02% so với cùng kỳ năm ngoái.

- Hoạt động khác: Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty có thực hiện thu hồi vật tư còn lại trong quá trình thi công NMTĐ Đa Krông 1 với số tiền là 4.077.878.474 đồng, nên thu nhập khác phát sinh tương ứng với chi phí khác. So với cùng kỳ năm ngoái, Công ty phát sinh lợi nhuận khác từ thanh lý TSCĐ, bán phế liệu với số tiền 4.178.700 đồng.

Từ những yếu tố trên làm lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2019 giảm so với bán niên năm 2018 là 17.913.975.730 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 64,54%.

2. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty

a. Báo cáo tài chính quý 2/2019

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2019 : - 2.220.554.029 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2018 : - 1.812.360.247 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2019 giảm so với quý 2 năm 2018 là 408.193.782 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 22,52%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 2/2019 (1)	Quý 2/2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	0	0	0	
- Doanh thu bán điện	0	0	0	
2. Giá vốn hàng bán	0	0	0	
- Doanh thu bán điện	0	0	0	
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	0	0	0	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	149.200.035	183.686.890	(34.486.855)	81,23%
5. Chi phí tài chính	720.000	0	720.000	
6. Chi phí bán hàng			0	

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.108.380.892	1.554.839.989	553.540.903	135,60%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.959.900.857)	(1.371.153.099)	(588.747.758)	57,06%
9. Thu nhập khác	4.077.878.474	631.700	4.077.246.774	645.540,36%
10. Chi phí khác	4.077.878.474	0	4.077.878.474	
11. Lợi nhuận khác	0	631.700	(631.700)	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.959.900.857)	(1.370.521.399)	(589.379.458)	57,00%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	260.653.172	441.838.848	(181.185.676)	58,99%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(2.220.554.029)	(1.812.360.247)	(408.193.782)	77,48%

b. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 2/2019

- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2019 : - 4.394.622.333 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2018 : - 3.408.807.038 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2019 giảm so với bán niên năm 2018 là 985.815.295 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 28,92%, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Lũy kế đến quý 2/2019 (1)	Lũy kế đến quý 2/2018 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV				
2. Giá vốn hàng bán				
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV				
4. Doanh thu hoạt động tài chính	288.167.924	320.030.978	(31.863.054)	90,04%
5. Chi phí tài chính	5.620.000	4.500.000	1.120.000	124,89%
6. Chi phí bán hàng			0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.778.880.537	2.431.564.495	1.347.316.042	155,41%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(3.496.332.613)	(2.116.033.517)	(1.380.299.096)	34,77%
9. Thu nhập khác	4.077.878.474	4.178.700	4.073.699.774	97.587,25%
10. Chi phí khác	4.077.908.474	0	4.077.908.474	
11. Lợi nhuận khác	(30.000)	4.178.700	(4.208.700)	-0,72%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.496.362.613)	(2.111.854.817)	(1.384.507.796)	34,44%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	898.259.720	1.296.952.221	(398.692.501)	69,26%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(4.394.622.333)	(3.408.807.038)	(985.815.295)	71,08%

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 kính báo cáo và cam kết nội dung giải trình trên là đúng sự thật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT,TC, đăng web.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC